TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. ----------

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 9 - 2017
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Số nhà 43/19, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị R, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Số nhà 197, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T có mặt, chị R vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị R tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 quyển số 1-2008 ngày 10/9/2008. Cả hai đều kết hôn lần đầu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì

xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chị R có biểu hiện không chung thủy trong hôn nhân. Mặc dù anh đã cho chị R cơ hội nhưng chị R vẫn không thay đổi nên anh không còn tình cảm với chị R. Anh chị đã có thời gian ly thân nhau 4 năm nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh làm đơn xin ly hôn với chị R.

- Về quan hệ con chung: anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Võ Thị R đã được niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng chị R không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng chị R vắng mặt, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị R đã có mâu thuẫn trầm trọng, anh T không còn tình cảm với chị R. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T. Cho anh T được ly hôn chị R. Về quan hệ con chung: không có, nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Võ Thị R, trú tại: số nhà 197, ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh Hoàng Văn T là nguyên đơn, chị Võ Thị R là bị đơn, quan hệ pháp luật là "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: anh T và chị R kết hôn với nhau năm 2008 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 quyển số 01-2008 ngày 10/9/2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị R chung sống không chung thủy mặc dù anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị R vẫn không thay đổi từ đó anh không còn tình cảm với chị R.

Còn đối với chị R đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai và không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu thì quá trình anh T chị R chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên anh T về nhà ở huyện Trảng Bom sinh sống, chị R cũng ra ngoài sống nên vợ chồng ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T cho rằng chị R sống không chung thủy.

Theo lời khai của ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị X là cha mẹ của chị R: sau khi kết hôn vợ chồng chị R anh T chung sống hạnh phúc được 5 năm nhưng vẫn không có con nên gia đình anh T khuyên anh T bỏ chị R nên anh T về nhà ở huyện Trảng Bom sống, vợ chồng ly thân được 4 – 5 năm thì anh T cho rằng chị R sống không chung thủy nhưng theo ông bà nguyên nhân anh T xin ly hôn là vợ chồng không có con.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị R là có thật và đã trầm trọng. Trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần mời chị R đến Tòa án làm việc, hòa giải để vợ chồng anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị R không có mặt thể hiện chị R không có trách nhiệm với gia đình và bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Còn anh T không muốn hòa giải đoàn tụ. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở nên chấp nhận. Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Võ Thị R.

- Về quan hệ con chung: Theo anh T và kết quả thu thập chứng cứ thể hiện anh T, chị R không có con chung. Anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo anh T thì vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001467 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Võ Thị R.

- Về quan hệ con chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 001467 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Võ Thị R quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND H.VC, T.ĐN;
- Thi hành án H.VC;
- UBND xã Thanh Bình, H.Trảng Bom;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn